TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST
Ngày 20 - 3 - 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Đoàn Minh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Đỗ Thị Mau.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Số 169 phố L, phường H, quận M, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến H, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Đắk Nông (quyết định ủy quyền số: 452A/UQ-NHCS ngày 27/04/2019 của Giám đốc Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Đắk Nông); địa chỉ: Đường Lê D, tổ dân phố 3, phường Nghĩa T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Nghĩa Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị A (vợ của ông Nguyễn Ngọc S);

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Nghĩa Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trên cơ sở giấy đề nghị vay vốn của ông Nguyễn Ngọc S, sau khi kiểm tra các điều kiện vay vốn theo quy định, Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Đắk Nông đồng ý ký Hợp đồng vay vốn với ông Nguyễn Ngọc S với các nội dung thỏa thuận sau:

Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số: 6600000703674059 ngày 19/3/2015.

- Tổng số tiền vay: 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng).*
- Thời hạn cho vay: 60 tháng.
- Lãi suất cho vay: 0,8%/tháng.
- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% so với lãi suất cho vay.
- Lịch trả lãi: Trả lãi định kỳ hàng tháng/lần.
- Ngày trả gốc 6 tháng cuối cùng bắt đầu kể từ ngày 20/3/2020.
- Số tiền lãi đã thanh toán đến ngày 20/7/2019 là 5.040.306 đồng
- Số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 26/7/2019 là: 18.937 đồng *(Mười tám ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng)*
- Số tiền gốc đã thanh toán: 0 đồng.
- Số tiền gốc còn nợ: 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng).*

Ông Nguyễn Ngọc S ký kết hợp đồng vay vốn trên trong thời kỳ hôn nhân giữa ông S với bà Nguyễn Thị A, mục đích vay để xây bể nước sạch và nhà vệ sinh tự hoại của gia đình ông S, bà A.

Hiện nay hộ vay đã bán tài sản không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, mặc dù đã được đơn vị nhận ủy thác, tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) Ủy ban nhân dân xã Đắk N cùng cán bộ Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Đắk Nông đôn đốc nhiều lần nhưng hộ vay vẫn không chấp hành trả nợ. Nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ của ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị A phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng (khế ước vay vốn) cho Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Đắk Nông đúng quy định nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và thu hồi vốn cho Nhà nước. Tính đến ngày 20/7/2019 ông S đã trả được cho Ngân hàng 5.040.306 đồng tiền lãi.

Nay Ngân hàng yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị A phải trả tổng cộng số tiền đã vay tính đến ngày 20/3/2020 là 12.757.479 đồng, trong đó nợ gốc là 12.000.000 đồng, nợ lãi là 757.479 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay tính từ ngày 21/3/2020 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Ngày 20/3/2015, ông Nguyễn Ngọc S và vợ là bà Nguyễn Thị A có vay tại Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Đắk Nông số tiền gốc 12.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, định kỳ trả gốc: 06 tháng, số tiền gốc mỗi kỳ 1.200.000 đồng, mục đích vay để xây bể nước sạch, nhà vệ sinh của gia đình, thời hạn vay là 60 tháng, hạn cuối cùng trả nợ là ngày 20/3/2020.

Tính đến ngày 26/7/2019 ông và bà Nguyễn Thị A còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là 12.018.937 đồng, trong đó nợ gốc là 12.000.0000 đồng, nợ lãi là 18.937 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay tính từ ngày 27/7/2019 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông và bà phải trả tổng cộng số tiền đã vay tính đến ngày 30/12/2019 là 12.488.575 đồng, trong đó nợ gốc là 12.000.000 đồng, nợ lãi là 488.575 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay tính từ ngày 31/12/2019 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay ông thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ trả cho Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện ông và bà là đúng. Do hiện nay ông và bà A đã ly hôn nên ông chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng 1/2 số tiền nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng ý chịu 1/2 tiền án phí của vụ án theo quy định pháp luật. Hiện tại ông có hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ, đề nghị

Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà A thừa nhận bà và ông Nguyễn Ngọc S có vay tại Ngân hàng C chi nhánh tỉnh Đắk Nông số tiền gốc 12.000.000 đồng, lãi suất, lãi suất quá hạn của lãi suất cho vay, định kỳ trả gốc, số tiền gốc mỗi kỳ, mục đích vay, thời hạn vay, hạn cuối cùng trả nợ là ngày 20/3/2020 như ông S đã trình bày. Hiện nay bà và ông S đã ly hôn nên bà chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng 1/2 số tiền nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng ý chịu 1/2 tiền án phí của vụ án theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị A mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất. Tòa án đã tiến hành lập biên bản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo, quyết định của Tòa án là vi phạm quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị A phải trả cho Ngân hàng nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/3/2020 với tổng số tiền 12.757.479 đồng, trong đó nợ gốc 12.000.000 đồng, nợ lãi 757.479 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú tại phường Nghĩa Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét

xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng dưới hình thức Sổ vay vốn mã khách hàng số 7063380113 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 12/3/2015, xác định: Ngày 19/3/2015, giữa Ngân hành C chi nhánh Đắk Nông và ông Nguyễn Ngọc S ký kết hợp đồng cho vay số tiền 12.000.000 đồng theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường (xây dựng bể nước sạch, nhà vệ sinh tự hoạt), thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng/lần với số tiền là 1.200.000 đồng/lần, lãi suất là 0,8%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/3/2020.

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản (Sổ vay vốn), thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hành C chi nhánh tỉnh Đắk Nông với bên vay là ông Nguyễn Ngọc S. Nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp.

Trong Sổ vay vốn thể hiện, tại thời điểm vay vốn bà Nguyễn Thị A là vợ của ông Nguyễn Ngọc S. Vì vậy, bà Nguyễn Thị A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có trách nhiệm cùng ông S thanh toán nợ cho Ngân hàng, theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Quá trình vay ông S, bà A chỉ thanh toán được số tiền nợ lãi là 5.040.306 đồng (thời điểm trả tiền lãi cuối cùng là ngày 20/7/2019) và không thanh toán được khoản tiền gốc nào. Do đó, ông bà đã vi phạm nghĩa trả nợ gốc theo kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần với số tiền là 1.200.000 đồng/lần. Mặt khác, ông bà còn vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi trong hạn hàng tháng tính từ ngày 21/7/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 20/3/2020). Tính đến ngày xét xử (ngày 20/3/2020), ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị A còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền 12.757.479 đồng, trong đó nợ gốc 12.000.000 đồng, nợ lãi 757.479 đồng.

[2.3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Tại thời điểm vay vốn ngày 19/3/2015, ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị A là vợ chồng. Ngày 08/11/2018, ông bà đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 150/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa (nay là Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa). Tuy nhiên, đây là khoản vay chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông S, bà A đều thừa nhận và đồng ý mỗi người phải trả cho Ngân hàng 1/2 số tiền nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, chịu 1/2 tiền án phí của vụ án theo quy định pháp luật.

Do đó buộc ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị A phải trả cho Ngân hàng nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/3/2020 với tổng số tiền 12.757.479 đồng, trong đó nợ gốc 12.000.000 đồng, nợ lãi 757.479 đồng. Chia theo phần, cụ thể: Ông S phải trả 6.378.739 đồng, trong đó nợ gốc là 6.000.000 đồng và nợ lãi 378.739 đồng; bà A phải trả 6.378.739 đồng, trong đó nợ gốc là 6.000.000 đồng và nợ lãi 378.739 đồng.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần

chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị A phải chịu tiền án án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, với số tiền là 12.757.479 đồng x 5% = 637.873 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị A mỗi người phải chịu 1/2 tiền án phí. Cụ thể: Ông S phải chịu 318.936 đồng, bà A phải chịu 318.936 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị A phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền 12.757.479 đồng (*mười hai triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng)*, trong đó: nợ gốc là 12.000.000 đồng *(mười hai triệu đồng)* và nợ lãi (tính đến ngày 20/3/2020) là 757.479 *đồng (bảy trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).*

Chia theo phần, cụ thể:

Ông Nguyễn Ngọc S phải trả 6.378.739 đồng *(sáu triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng)*, trong đó nợ gốc là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng)* và nợ lãi 378.739 đồng (*ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng)*.

Bà Nguyễn Thị A phải trả 6.378.739 đồng *(sáu triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng),* trong đó nợ gốc là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng)* và nợ lãi 378.739 đồng (*ba trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/3/2020), ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị A phải còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số: 660000703674059 ngày 19/3/2015, mã khách hàng số 7063380113, cho đến khi thanh toán xong *(Theo gốc và lãi đã chia theo phần (½) trên)*. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân

hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị A phải nộp 637.873 đồng *(sáu trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể: Ông S phải nộp 318.936 đồng *(ba trăm mười tám nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng),* bà A phải nộp 318.936 đồng *(ba trăm mười tám nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng).*

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đoàn Minh Hương